

Trang lịch sử

Thần đồng nước Việt

Cao Bá Quát

1809-1855

TK sưu khảo

1- DẶM XEM MẶT VUA.

Cao Bá Quát tự là Chu Thần, hiệu là Cúc Đường, biệt hiệu là Mẫn Hiên, sinh tại làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, nay là xã Quyết Chiến, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Thuở nhỏ, Cao Bá Quát đã tỏ ra thông minh, nhanh trí, can đảm và khá ngang tàng. Giai thoại kể lại rằng, có lần vua Minh Mạng ngự giá ra Bắc, đến ngắm cảnh Hồ Tây, quân lính thét đuổi tất cả những ai lai vãng gần chỗ vua đến. Vừa lúc Cao Bá Quát từ Bắc Ninh sang Hà Nội chơi cũng có mặt nơi này. Cậu nảy ý định muốn được thấy vua tận mắt, nên cởi bỏ luôn quần áo, nhảy xuống hồ tắm. Lính hầu vua nhìn thấy, hốt hoảng xúm vào bắt trói đứa trẻ thật táo tợn, to gan. Quát không chịu, la hét, vùng vẫy, gây nên cảnh náo động nơi bờ hồ. Đúng lúc đó kiệu vua đi tới. Minh Mạng truyền lệnh dẫn Quát tới, thấy Quát tóc còn để chỏm và lại xưng là học trò ở quê lên chơi không biết gì, nên vua bớt giận. Nhìn thấy dưới hồ có đàn cá đuổi nhau, Minh Mạng bèn nảy tú, truyền cho cậu bé Quát vẽ đối, lệnh làm được sẽ tha. Vẽ đối như sau :

"Nước trong leo lẻo, cá đớp cá"

Không cần nghĩ ngợi, lấy cảnh mình bị trói, Quát đối luôn :

"Trời nắng chang chang, người trói người"

Minh Mạng nghe câu đối của Quát có vẻ xác xược, toan trị tội. Nhưng vẽ đối quả rất hay, lại nêu lên đúng cảnh thực, nên vua nguôi giận và truyền lệnh cởi trói tha cho Quát.

2- ĐÁ CẦU TRONG GIỜ THI.

Năm 12 tuổi, Cao Bá Quát cùng anh là Cao Bá Đạt dự kỳ thi khảo hạch. Hai anh em làm xong bài,

thừa thì giờ rủ nhau ra sân đá cầu. Quan trường trông thấy hỏi :

- Hôm nay là ngày tranh khôi, đoạt giáp, ai cũng lo văn bài. Sao các chú lại nô giỡn thế ?

Cao Bá Quát nhanh miệng thưa :

- Kỳ này gặp được đầu bài dễ, chúng tôi làm xong, thừa thì giờ. Vì cửa trường chưa mở cho thí sinh ra, nên xin đánh cầu cho vui, chú không dám đùa nghịch đâu ạ !

Quan trường thấy lạ, bèn hỏi thăm gia thế của anh em Quát, rồi ra cho câu đối sau :

*"Nhất bào song sinh,
nan vi huynh, nan vi đệ ?"*

Nghĩa là : Một bọc sinh đôi,

khó làm anh, khó làm em.

Câu đối nhằm chỉ Cao Bá Quát và Cao Bá Đạt là hai anh em sinh đôi, khó phân biệt được ai là anh, ai là em.

Quát liền đối lại : *"Thiên tái nhất ngộ, hữu thị quân, hữu thị thân"*

Nghĩa là : Nghìn năm một lần gặp, có vua ấy, có tôi ấy. Ý ca ngợi đất nước gặp được vua hiền, nên mới có tôi giỏi.

Quan trường khen hay, liền mở cửa trường thi cho hai cậu học trò giỏi về trước. Khoa ấy, hai anh em Quát đều đậu. Ngày xướng danh, mọi người đều ngạc nhiên thấy cả hai đều đang tuổi trẻ con, đầu cạo trọc, hai bên còn để hai nhúm tóc hình trái đào.

3- MANG NẶNG TÌNH NGƯỜI.

Khoa thi Hương năm Tân Mùi (1831), Cao Bá Quát dự thi và đã đậu cử nhân, xếp loại Á nguyên. Nhưng rồi bộ Lễ đã đánh tụt ông xuống cuối bảng. Lúc này ông Quát mới 22 tuổi, tài năng thì có thừa, nhưng mấy lần thi Hội đều hỏng, vì các luật lệ thi cử hà khắc của triều Nguyễn, không thể nào dung nạp kiểu tư duy bay bổng, khoáng đạt của ông. Mãi đến năm 32 tuổi, Cao Bá Quát mới được triệu vào kinh để giữ một chức quan trong bộ Lễ.

Sau đó, ông được cử chấm thi sơ khảo ở trường Thừa Thiên. Khi chấm, ông Quát phát hiện thấy một số bài thi làm khá, nhưng vì viết phạm vào tên húy của vua, nên thế nào cũng bị đánh rớt. Có lẽ đồng cảm với những thí sinh giỏi, nhưng lại bị loại, chỉ vì các quy định phi lý của luật thi cử đương thời, nên Cao Bá Quát đã cùng với một giám khảo khác là Phan Nhạ dùng muội đèn làm mực, chữa lại một số

bài thi. Việc bị phát giác, ông Quát bị khép vào tội chết. Nhưng do tiếc tài thơ phú của ông, nên vua Thiệu Trị đã giảm án và sau khi mãn hạn giam, ông được chuộc tội đi theo phục dịch phái đoàn nước ta do Đào Trí Phú dẫn đầu sang Nam Dương, Campuchia.

Thời gian ở nước ngoài, Cao Bá Quát có dịp quan sát thấy một số điều mới lạ và ông đã cảm hứng sáng tác được tập thơ "Dương trình" (1). Đặc biệt có bài "Dương phụ hành" (2), là bài thơ, có lẽ vào loại sớm nhất trong thi ca nước ta viết về người phụ nữ Tây Âu. Bài thơ bằng chữ Hán, dịch ra như sau:

*"Thiếu phụ Tây dương áo trắng phau,
Tựa vai chồng dưới bóng trăng thâu,
Ngó thuyền Nam thấy đèn le lói
Kéo áo rì rầm chuyện với nhau.
Hừng hờ cốc sửa biếng cầm tay,
Gió biển đậm sương buốt lấm thay!
Uốn éo đời chồng nâng trở dậy
Biết đâu đến khách biệt ly này!"*

Sau khi về nước, mùa hè năm 1843, ông Quát được vào làm việc ở bộ Lễ, rồi bị thải về nhà, cho đến năm 1847 lại được triệu hồi vào kinh. Hồi này vua Thiệu Trị đã chết, Tự Đức lên nối ngôi. Ông vua triều Nguyễn này hay chữ, giỏi thơ và rất tự phụ về văn chương. Chính Tự Đức đã tuyên bố trước đình thần: "Trẫm không ứng thí, chứ nếu thi ắt trúng trạng nguyên!"

Lúc này Cao Bá Quát đã nổi tiếng thơ văn, nhưng tính vốn cương trực, không chịu cúi mình, lại sống bên cạnh ông vua hết sức tự phụ như Tự Đức và một số nịnh thần, luồn lọt, nên cuối cùng triều đình nhà Nguyễn cũng tìm cách đẩy ông ra khỏi chốn cung đình, lên Sơn Tây giữ chức giáo thụ (quan coi việc giáo dục của một phủ). Giữa năm 1853, lấy cớ phải phụng dưỡng mẹ già, Cao Bá Quát xin thôi việc về quê, ngầm chuẩn bị lực lượng, rồi phát cờ khởi nghĩa, mong giải quyết những áp bức, bất công, mà ông đã chứng kiến trong cuộc đời. Nhưng đến năm 1855, cuộc khởi nghĩa bị thất bại và Cao Bá Quát tử trận, lúc đó ông mới 46 tuổi đời.

Với bản án chém 3 họ, nên thơ văn của Cao Bá Quát cũng không tránh khỏi bị triều Nguyễn thu hồi, thiêu hủy. Nhưng may mắn đến nay vẫn còn lại hàng trăm bài thơ và 3 bài văn xuôi do ông trước tác, có nội dung phong phú và nghệ thuật điêu luyện, cùng với rất nhiều giai thoại văn học của nhân dân, nhằm ca ngợi tính cách và tài năng thơ phú của ông.

4- "HẢO HỀ ! HẢO HỀ !".

Một hôm sau buổi chiều, Tự Đức bảo các quan :

- Đêm qua trăm nằm mơ, làm được hai câu thơ hay, nay đọc để các khanh thưởng thức. Và nhà vua tỏ vẻ đặc ý, đọc :

**"Viên trung oanh chuyển khê khà ngữ
Dã ngoại đào hoa lấm tẩm khai"**

(Trong vườn chim oanh cất tiếng hót khê khà,
Ngoài kia hoa đào lấm tẩm nở)

Trong khi các quan nức nở khen là tuyệt tác, thì Cao Bá Quát thản nhiên tâu :

- Tâu bệ hạ, hai câu đó lấy trong bài thơ 8 câu, mà hồi còn đi học thần đã được nghe rồi ạ ! Nếu bệ hạ cho phép, thần xin đọc.

Ông Quát giả vờ suy nghĩ như thế để nhớ lại bài thơ, rồi cất giọng ngâm :

**"Bảo mã Tây phong huếch hoác lại
Huênh hoang nhân tự thác đề hồi
Viên trung oanh chuyển khê khà ngữ
Dã ngoại đào hoa lấm tẩm khai
Xuân nhật bất văn sương lộp bọp
Thu thiên chỉ khiến vũ bài nhài
Khù khờ thi tú đa nhân thức
Khệnh khạng tưởng lai vấn tú tài".**

Nghĩa là :

*"Ngựa báu từ phía Tây huếch hoác lại
Người huênh hoang nhờ cậy diu về
Khê khà trong vườn oanh cất tiếng hót
Hoa đào ngoài đồng đã lấm tẩm nở
Ngày Xuân chẳng nghe tiếng sương lộp bọp
Tiết thu chỉ thấy mưa rơi bài nhài
Tú thơ khù khờ đã nhiều người biết
Lại còn khệnh khạng mang đến hỏi tú tài"*

Tự Đức thừa biết là Cao Bá Quát đã phịa thêm 6 câu thơ để riêu mình. Nhưng vua cũng phải thán phục tài ứng tác của ông, bèn sai lấy chè và quế ban tặng và bắt ông Quát phải thú nhận đã phịa thêm 6 câu !

Có lần Cao Bá Quát vào điện Càn Chánh, thấy đôi câu đối tự tay vua Tự Đức đề :

"Tử năng thừa phụ nghiệp (Con nối được nghiệp cha)

"Thần khả báo quân ân" (Tôi đền được ơn vua)

Tất cả quan trong triều đều thừa nhận câu đối trên hay. Riêng ông Quát dám cầm bút viết vào bên cạnh mấy chữ bình phẩm : "Hảo hề, hảo hề. Phụ tử

quân thần điên đảo" (Hay chùa, hay chùa ! Cha con, vua tôi đảo lộn !)

Tự Đức nghe được giận lắm, lập tức cho đòi Quát đến hỏi tội. Trước vua, ông thần nhiên trình bày :

- Tâu bệ hạ. Thần đọc sách Thánh hiền thấy nói đạo vua tôi trên đạo cha con, vua trước tôi sau, cha trước con sau. Nay bệ hạ viết thế là làm đảo lộn cả cương thường rồi ạ!

Tự Đức bảo ông Quát thử chữa xem. Ông bèn xin chữa là :

"Quân ân thần khả báo (Ơn vua tôi phải báo)
Phụ nghiệp tử năng thừa" (Nghệp cha con phải theo).

Tự Đức phải chịu câu ông Quát sửa hay hơn. Nhưng vì lòng đố kỵ nên vua càng thêm ghét, cho ông là bày tội mà vô lễ, dám chữa văn của một hoàng đế hay chữ !

5- CÁI BỊT MÙI ĐẮNG GÓM.

Hồi niên thiếu, một lần Cao Bá Quát sang Thăng Long chơi, gặp kỳ bình văn ở nhà một quan Đốc học (3), Quát đến nghe. Nhưng thỉnh thoảng thấy câu nào dở, cậu lại khịt mũi, khạc nhổ. Lính hầu thấy đứa trẻ vô lễ, bắt vào trình quan. Quan Đốc xẵng giọng hỏi :

- Anh học ai mà xác vậy hả ?

Quát đáp tỉnh bơ :

- Tôi học ông Trình, ông Chu (2 nhà Nho nổi tiếng thời nhà Tống bên Tàu là Chu Hy và Trình Hạo).

Thấy cậu học trò trả lời có vẻ khinh nhờn, ngó ngáo, quan Đốc cả giận bảo :

- Đã xưng là học với ông Trình, ông Chu sao lại dám vô lễ. Ta ra cho một câu đối, nếu không đối được, lính sẽ nọc đánh 30 roi nghe chưa ?

Rồi quan đọc : "**Nhữ tiểu sinh hà xử đắc lai, cảm thuyết Trình Chu sự nghiệp**".

Nghĩa là : Anh là một học trò nhỏ, từ đâu đến đây, dám nói đến sự nghiệp ông Trình ông Chu ?

Cao Bá Quát đối : "**Ngã quân tử kiến cơ nhi tác dục vì Nghiêu Thuấn quân dân**".

Nghĩa là : Ta là bậc quân tử gặp thời mà dấy, muốn làm cho vua và dân được như thời Nghiêu - Thuấn.

Quan Đốc thấy tài năng, chí khí của cậu bé này không vừa, khen ngợi và thưởng cho Quát 5 quan

tiền.

Đến lần thi Hội, qua đất Nghệ An, thấy lớp học của một ông Nghè gần đường, Cao Bá Quát dừng lại nghe giảng. Gặp lúc học trò đang bình bài phú "Ma chữ thành châm" (Mài chày sắt thành kim), có câu : "Đem giã gạo được, bỗng chốc lại đem khâu áo, mài mà không gãy, chậm lại hoá nhanh, biết lâu càng chịu khó thì mới thành".

Ông Nghè cứ khen câu văn hay hoài. Cao Bá Quát không đồng ý đã khạc nhổ, bịt mũi bỏ ra. Học trò nhìn thấy xin ông thầy túm cổ đánh cho một trận. Nhưng ông Nghè gạt đi, sai mời Quát quay lại và hỏi:

- Câu văn lời hay ý đẹp như thế, có sao thầy chê?

Ông Quát thưa :

- Cái công mài chày thành kim đâu phải một lát là được, nên dùng hai chữ "bỗng chốc" thật là phi lý.

Ông Nghè công nhận đúng và xin chữa lại giùm. Cao Bá Quát bèn đổi chữ "bỗng chốc" thành chữ "chuyển hoá". Ông Nghè phục lắm, cố giữ ông Quát lại dùng rượu chè, đàm luận.

Năm Tự Đức thứ 4 (1850), vua nhà Thanh mất, sứ Trung quốc sang nước ta báo tin. Vua sai các quan làm câu đối viếng. Đình thần nghĩ xong, xin vua triệu Quát đến viết, vì chữ ông đẹp có tiếng.

Bắt đầu viết, ông Quát trải tấm vóc, tay cầm bút, tay bịt mũi. Các quan hỏi sao làm kỳ quặc vậy. Ông đáp :

- Văn này phải viết cách này mới hợp.

Vua nghe được nổi giận, phán :

- Vậy Khanh thử làm câu khác xem !

Ông Quát xin một tấm vóc mới, cầm bút viết liền hai câu :

"Ai mặc bát âm Đường bạc hải

Bì hào vạn lý Tống thâm sơn"

Nghĩa là : Khắp biển nhà Đường im bật tiếng nhạc bát âm (khi vua Đường Nghiêu mất, tiếng âm nhạc khắp bốn biển im 3 năm để tang). Núi sâu nhà Tống kêu gào đến muôn dặm (khi vua Tống Nhân Tông mất, tiếng gào khóc âm vang tận núi rừng).

Cả triều đình, vua quan đều phục tài ông Quát, nhưng lại càng ngăm ghen ghét, không ưa ông.

6- "THÀNH QUÁT, THẦN SIÊU".

Tự Đức tuy không thích Cao Bá Quát nhưng cũng phải thán phục văn tài của ông và đã khen : "Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán !", để chỉ rằng văn như hai ông Nguyễn Văn Siêu và Cao Bá Quát thì thời cực thịnh của nền văn học Trung quốc như tiền Hán cũng không thể có.

Nguyễn Văn Siêu quê ở Hà Nội, khi chưa đỗ đạt nhà rất nghèo, ông phải mở trường dạy tư. Một lần Quát từ Bắc Ninh sang chơi, tình cờ đi ngang qua chỗ ông Siêu dạy học, bèn bước vào xem. Ông Quát lúc bấy giờ tuổi mới khoảng 16, 17. Còn thầy đồ Siêu thì hơn Quát những chục tuổi. Thấy một thanh niên cứ đứng nhìn, ông Siêu hỏi :

- Anh kia đi đâu mà lại đến đây đứng ?
- Tôi là học trò, xin được học Thầy.

Nghe ông Quát đáp, ông Siêu liền bảo :

- Có phải học trò thì thử đối vế đối này xem : **"Tiên sinh tọa tịch thượng, cốt chi kết, kết chi cốt, cốt cốt kết kết"** (ông thầy ngồi trên chõng xiêu vẹo, nó kêu cốt kết mỗi lần thầy cựa quậy).

Cao Bá Quát dường như chẳng cần nghĩ, đối ngay :

- **"Tiểu tử nhập đình trung, thần chi thỏ, thỏ chi thần, thần thần thỏ thỏ"** (học trò vào giữa sân ngõ ngác, ngác ngõ, nhìn ngõ ngõ ngác ngác).

Nguyễn Văn Siêu rất phục, hỏi chuyện mới biết là Cao Bá Quát, người mà ông đã nghe đồn học giỏi từ lâu. Từ đó hai ông Siêu, Quát trở thành đôi bạn thân, văn chương, thơ phú nổi tiếng đương thời, được người đời ca tụng là "Thần Siêu, thánh Quát".

Có lần hai ông Siêu, Quát rủ bè bạn đến chơi, uống rượu làm thơ. Ông Quát hứng chí làm một bài thơ nôm tặng ông Siêu. Mở đầu ông Quát háng giọng đọc hai câu :

"Siêu đồng, siêu đất cũng là siêu,

Siêu đất sao mà lắm kẻ yêu ..."

Nghe đến đó, ông Siêu liền xua tay lia lịa, van xin ông Quát hãy thôi. Ông Quát ra bộ chiều bạn, cũng dừng không đọc tiếp nữa. Khi mọi người đã ra về, ông Quát nói riêng với ông Siêu :

- Thú thực với bác, bài thơ em chỉ nghĩ được có 2 câu. Giá bác không bảo dừng thì em cũng tác tị.

Ông Siêu cười trả lời :

- Tôi biết vậy, nên vờ làm thế để gỡ cho chú nước bí đó !

Rồi cả hai cùng cười.

Chuyện còn kể rằng lần thi Hội, Cao Bá Quát sực nhớ đến Nguyễn Hàm Ninh (1807 - 1867), người Quảng Bình đã đậu Giải Nguyên khoa thi trường Thừa Thiên, nên muốn gặp để thử tài. Ông Quát đang tìm hỏi, thì gặp một người tự xưng là học trò của ông Ninh. Ông này cho biết ông Ninh đã đi trước vào Kinh dự kỳ thi Hội rồi. Ông Quát tự giới thiệu :

- Bác dễ thường cũng nghe tiếng Cao Bá Quát ở Bắc Hà chứ ?

Người kia hỏi lại :

- Có, ông ấy nghe đồn hay chữ lắm. Thế bác cũng quen à ?

Ông Quát cười ha hả, trả lời :

- Chính tôi đây !

Thế rồi cả hai kết thân làm bạn, rủ nhau vào Kinh, dọc đường cùng xướng họa.

Người xưng là học trò ông Ninh làm thơ rất nhanh, rất hay, khiến Cao Bá Quát giật mình nghĩ bụng : "Học trò mà giỏi thế này, thì thầy anh ta phải tài ba lắm chứ chẳng chơi !"

Mãi khi đến kinh đô, ông Quát mới vỡ lẽ rằng người cùng đi với mình chính là thủ khoa Nguyễn Hàm Ninh. Từ đó, hai người trở thành đôi bạn văn chương thân thiết.

7- CÁI "U" CỦA NGƯỜI TÀI.

Có lần Cao Bá Quát đi chơi thăm bạn ở xa. Bạn đi vắng, nên ông đành quay về, tiền hết, bụng đói. Đang đi thất thểu, bỗng nghe có tiếng trống đám ma trong làng gần đường, ông Quát bèn ghé vào. Đến nơi thì thấy các vị chức sắc, văn thân đang ngồi chễm chệ, chủ nhà chấp tay đứng chào chực, trịnh trọng lắm. Ông Quát lễ phép trình bày :

- Tôi là khách qua đường, nghe tin cụ nhà quy tiên, lòng rất cảm động, nên xin được vào phúng cụ đôi câu đối.

Mấy vị có mặt tỏ vẻ đàn anh, vuốt râu hỏi :

- Thế nhà thầy ở đâu qua đây ? Làm nghề gì?

Ông Quát làm ra vẻ khúm núm thưa :

- Bẩm các quan, tôi ở làng bên, đi gõ đầu trẻ qua đây ạ !

Mấy vị liền lên giọng hạch :

- Dạy học hả ? Thế đã thi được khóa nào chưa ?

- Dạ bẩm có theo đòi vài ba khóa, nhưng kém cỏi không đạt ạ !

Nghe ông Quát trả lời, mấy vị được thể ta đây là cử nhân, tú tài, bèn bảo :

- Ủ, thế thì thầy làm câu đối phúng đi, giấy bút đây !

Ông Quát rụt rè hỏi lại :

- Dạ bẩm, xin làm nôm được không ạ ?

Mấy vị lên giọng đàn anh, bảo :

- Được, cứ làm đi rồi sửa chữa cho !

Ông Quát cầm bút viết một mạch luôn 2 câu :

"Thấy xe thiên cổ xích đưa ra, không thân thích nhẽ đâu mà khóc muộn.

Tưởng sự bách niên dùng nghĩ đến, động can tràng nên nổi phải thương vay".

Viết xong, ông Quát trình lên mấy vị xem. Các vị đều ngẩn người bái phục. Câu đối đã hay hết ý, chữ lại đẹp như phượng, như rồng. Bấy giờ mấy vị mới biết ông là Cao Bá Quát liền đứng cả dậy, mời cùng ngồi, rồi sai gia chủ lấy thêm rượu, thức nhắm để tiếp khách thi nhân và chấp tay vái xin lỗi, vì có diễm phúc được gặp "thánh Quát" nhưng đã để thất lễ.

Hồi ông Quát còn làm việc tại triều, trong hoàng tộc có hai ông Tùng Thiện Vương - Miên Thẩm và Tuy Lý Vương - Miên Trinh rất giỏi thơ, được Tự Đức ca ngợi là : "Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường" (nghĩa là thơ như ông Tùng, ông Tuy thì chẳng còn có thời thịnh Đường). Hai ông này có thành lập một tổ chức sáng tác thơ phú, kết nạp các danh sĩ, gọi là "Mặc Vân thi xã". Tuy Lý Vương đưa thơ thi xã cho Cao Bá Quát xem và mời ông tham gia. Ông Quát cầm bút ghi vào ngoài bì tập thơ 2 câu :

"Ngán cho cái mũi vô duyên

Câu thơ "Thi xã", con thuyền Nghệ An"

Thuyền Nghệ An thường hay chở nước mắm nên nặng mũi giống như thơ "Thi xã" vậy. Tuy Lý Vương biết bản tính bộc trực, ngang tàng của ông Quát, nên không lấy thể làm giận, mà càng tỏ ra trọng đãi ông. Sau đó Tùng Thiện Vương đã tặng cho Cao Bá Quát một tập thơ và yêu cầu ông viết bài tựa cuối (hậu tự).

Chính vì cảm động trước thái độ rộng lượng, chí tình của hai ông Tùng, Tuy nên ông Quát đã nhận tham gia "Thi xã Mặc Vân", một tổ chức gồm toàn

tầng lớp thượng lưu, ông hoàng, bà chúa, chỉ lọt vào mình Cao Bá Quát, một quan văn chức nhỏ, túng nghèo.

Giai thoại dân gian còn kể lại rằng : Cao Bá Quát chẳng những giỏi thơ văn, mà còn là một người chơi cờ cao tay. Có lần Tự Đức bảo ông hầu cờ. Hôm đó nước cờ sắp tàn. Bên nhà vua còn nguyên đôi mã, còn ông Quát vẫn giữ được đôi xe. Tự Đức đắc chí gật gù ngâm : **"Lưỡng mã trì khu thiên lý địa"** (Hai con mã đuổi mãi đến nghìn dặm đất).

Như những kẻ khác, hiểu được tính hiếu thắng của đảng quân vương, thì nên chịu thua để làm đẹp lòng thiên tử. Đảng này ông Quát cũng ứng khẩu đối luôn : **"Song xa truy kích cửu trùng thiên"** (Hai con xe theo đánh mãi đến 9 tầng trời).

Tự Đức giận lắm, cho rằng ông Quát cố ý chống đối, dám đòi hơn vua, bèn tìm cớ để buộc ngay tội. Tự Đức lập kế bảo :

- Ta nghe nói người cao cờ phía sau gáy thường có một cái u. Vậy khanh hãy ngoảnh lại để trẫm thử xem !

Nếu ông Quát nghe theo mà quay lưng lại trước mặt vua, thì sẽ bị ghép ngay vào tội phạm thượng, khi quân. Theo luật bấy giờ có thể phải tội chém.

Nhưng nhờ nhanh trí, ông Quát liền gục ngay đầu mình xuống trước mặt vua. Tự Đức thấy kế mình bị thất bại, miễn cưỡng lấy tay sờ lên gáy ông Quát rồi nói: "Quả đúng, sau ót khanh có cái u thật "

8- CHỦ BẰNG THƠ.

Hồi còn giữ chức "Hành tẩu" (4) ở Huế, có hôm Cao Bá Quát chứng kiến một vụ cãi nhau đi đến ẩu đả của 2 viên quan tai mắt trong triều. Ông không rõ nguyên nhân, nhưng đã mục kích từ đầu đến cuối. Sự việc được đưa lên vua Tự Đức phân xử. Ông Quát được gọi ra làm chứng. Nhà vua bắt ông thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Ông bèn lấy giấy bút viết lời tường trình, nhưng không phải văn xuôi, mà bằng một bài thơ chữ Hán. Dịch ra như sau : "... Trước Quát không biết. Sau Quát chẳng hay. Giữa chừng Quát đến. Quát thấy thế này : Bàn trên chủi "chó". Bàn dưới cũng "chó". Trên dưới đều "chó". Rồi choảng nhau luôn. Thần can chẳng được. Thần thấy thế nguy. Thần hoảng, thần chuồn"

Tờ khai được dâng lên cho Tự Đức xem. Khi nhà vua đọc đến câu : "Trên dưới đều chó", thì cũng thừa biết Cao Bá Quát có ý xược. Nhưng đó là câu chủi

có thật của 2 vị quan kia, mà ông chỉ là người cung khai, nên vua không thể bắt tội.

Khoảng năm 1850, triều đình nhà Nguyễn đã đẩy Cao Bá Quát giữ chức giáo thụ ở phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây. Nghe tin có người bạn cũ làm tri huyện, ông không ngại đường xa, tìm tới thăm. Nhưng mỗi lần ông đến, viên quan này đều sai lính ra trả lời : "Quan đang nghỉ ngơi". Thực tình viên quan này vẫn thức, nhưng không muốn tiếp người bạn nghèo, trước kia đã bị tù tội và đang bị triều đình ghét bỏ. Mấy lần đến chơi thấy bạn đều lánh mặt từ chối, Cao Bá Quát bèn lấy giấy viết 4 câu thơ sau, nhờ lính đưa vào cho viên tri huyện :

*"Một buổi hầu, rồi một buổi ngơi,
Đâu còn nhớ chữ "viễn phương lai"
Mới sang chùng ấy, ngơi chùng ấy,
Sang nữa thì ngơi biết mấy đời !!"*

Bài thơ lời lẽ rất nhẹ nhàng nhưng là cái tát đau đối với viên tri huyện. Từ cách làm quan, làm bạn bè, làm kẻ sang của hắn thật là thấp hèn!

Lại một lần ở làng quê ông, nhân dân đóng góp tiền bạc để viên lý trưởng thuê thợ đắp lại đôi voi trước sân đình bị hỏng. Lý trưởng đã tìm cách bớt xén tiền, nên đôi voi mới đắp trông xấu, không bằng trước. Ông Quát nghe dân làng kháo chuyện, mỉa mai viên lý trưởng, đã đến xem voi, rồi lấy gạch son viết lên bức tường đình làng bài thơ :

*"Khen ai khéo khéo đắp đôi voi
Đủ cả đầu đuôi, đủ cả vòi
Chỉ có cái kia sao chẳng thấy
Hay là thầy lý bớt đi rồi ?"*

Dân làng truyền nhau đọc bài thơ, rất khoái chí. Còn viên lý trưởng cũng thừa biết mấy câu thơ là của ông Quát. Nhưng y vẫn cứ phải ngậm tăm, vì làm to chuyện lại càng thêm bề mặt ! Y sai tay chân lén lút lấy vôi quét đi, sợ để bài thơ, thì người làng còn kéo nhau đến đọc và y sẽ chẳng còn mặt mũi nào để có thể "cầm cân nẩy mực" việc nước, việc làng.□

- 1 : Đi nước ngoài bằng đường biển.
- 2 : Bài ca về người đàn bà phương Tây.
- 3 : Chúc quan trông coi việc giáo dục một tỉnh.
- 4 : Chúc quan nhỏ trong một bộ.

RÙA BIẾT ƠN

Giữa thời tao loạn, vào đầu năm 1947.

Ông Trần Văn Tám ở xã Phong Mỹ, quận Cao Lãnh, tỉnh Kiến Phong. Gia đình ông tản cư vào Đồng Tháp Mười như phần đông đồng bào trong Quận. Một hôm ông thấy có người bán một con rùa nhỏ bằng nắm tay. Ông liền mua và cầm vuốt ve nó trên tay một hồi, đoạn lấy con dao cắt móng tay khắc lên lưng rùa : Tên ông và địa điểm tản cư, ngày tháng năm. Rồi ông thả rùa xuống sông, ông làm như một trò tiêu khiển trong lúc nhàn rỗi.

Năm 1954, ông lên Sài Gòn buôn bán và chất chiu để dành được một số tiền mua căn nhà và chiếc xe chở hàng loại gia đình. Ông tự lái lấy, đem hàng hóa xuống các tỉnh miền Tây giao cho các nhà buôn lẻ. Gia đình ông không mấy gì giàu lớn nhưng không nợ nần gì ai.

Vào cuối năm 1967, ông giao hàng ở Ba Xuyên, Phong Dinh thỉnh linh thấy một con rùa to bằng trái dừa nằm giữa đường. Ông ngừng xe xuống bắt vào lề ngồi xem thì ngạc nhiên xiết bao: Ông thấy mấy dòng chữ mà ông đã khắc từ năm 1947. Thì ra con rùa bằng nắm tay sau 20 năm đã lớn bằng trái dừa và xiêu lạc từ Đồng Tháp Mười đến tỉnh Ba Xuyên. Ông vui mừng hết sức, vuốt ve nó, nói chuyện với nó một hồi mới thả nó xuống sông. Ông tiếp tục lên đường được non cây số thì thấy một chiếc xe hàng, hai chiếc xe Lam cán nhảm cột mìn, lật xuống ruộng. Người chết, kẻ bị thương còn nằm la liệt xung quanh !

Ông Tám hoảng hồn nhớ lại con rùa vừa rồi đã chặn đường cứu ông, để đền ơn ông ngày trước đã cứu mạng nó. Ông về nhà thuật lại cho vợ nghe. Vợ chồng ông đồng rơi nước mắt cảm thương con vật biết ơn.□

Thiện Hạnh sưu tầm.

Người dạy đàn 7 dây

Sen Trắng

Có một lần ở tại Trúc Lâm, khi Đề Bà Đạt Đa có ý muốn rời khỏi tăng đoàn để thành lập giáo hội khác đối lập với giáo hội của Phật, các vị tỳ kheo hết lời khuyên can ông ta : "Này tôn giả Đề Bà Đạt Đa, bậc Chánh đẳng Chánh giác thông suốt 3 tạng giáo điển, tu chứng bốn thiên, đáng cho chúng ta tôn làm bậc Thầy nương tựa để tu học. Nay tôn giả lại muốn bỏ bậc Đạo sư, thật không nên như thế ! Và làm như vậy tôn giả chẳng khác nào kẻ phản Thầy, thật không xứng đáng tỳ nào, tôn giả hãy suy nghĩ lại đi!"

- Này các hiền giả, sa môn Gotama đâu có phải là sư trưởng của ta, thì làm sao gọi là ta phản thầy. Chính do tự lực mà ta học được 3 tạng giáo điển và chứng bốn thiên, ta với ông đâu có ai hơn ai đâu mà ông xứng làm thầy của ta.

Nói xong, Đề Bà Đạt Đa thu bè phái của mình rời bỏ Trúc Lâm về thành Vương Xá thành lập giáo hội khác. Tại Chánh Pháp đường các vị tỳ kheo nhìn theo lắc đầu : "Tôn giả Đề Bà Đạt Đa từ bỏ bậc Đạo sư, không muốn tu học theo đấng Chánh đẳng đã đành, nhưng lại có tư tưởng đối nghịch thù hận với bậc Đạo sư như vậy thì Thầy của chúng ta sắp gặp tai nạn tới nơi rồi !!!"

Trong lúc câu chuyện ra đi của Đề Bà Đạt Đa đang xôn xao tại Chánh Pháp đường, thì Đức Phật đến, nghe chuyện, Ngài ngồi xuống pháp tòa, ôn tồn nói :

- Này các tỳ kheo, không phải chỉ nay Đề Bà Đạt Đa mới từ bỏ thầy, trở thành đối nghịch với thầy của mình và mưu hại thầy mình, mà trong một đời quá khứ, bản tính của ông ta đã như vậy rồi.

Nói xong, Phật tăng hắng vài tiếng rồi kể tiếp chuyện tiền thân của Bồ Đề Đạt Đa :

Vào một đời trước ở tại thành Ba-la-nại, có một gia đình một vị nhạc sĩ kia sanh được một đứa con trai tên Guttila. Khi đứa nhỏ lớn lên, nổi nghiệp cha, Guttila học thành đạt các nghệ thuật âm nhạc, nhạc cụ thứ nào cũng chơi giỏi, nhạc lý vững chắc từ cung bậc đến hòa âm. Anh thanh niên đó chẳng bao lâu trở thành nhạc sĩ Guttila nổi tiếng ở Ba-la-nại. Anh ta không lấy vợ, mở trường dạy nhạc và đi trình diễn các nơi để nuôi sống cha mẹ già bị mù.

Nhân một ngày lễ lớn ở Ujjeli, các thương gia ở Ba-la-nại kéo nhau về Ujjeli họp chợ, buôn bán. Họ buôn các sản phẩm như vòng hoa, hương liệu, hương sáp, thực phẩm và tơ lụa về bán ở Ujjeli. Để không khí hội chợ thêm tưng bừng, họ bàn nhau hùn tiền thuê một nhạc sĩ với ban nhạc đến đàn nhạc cho ngày hội. Bấy giờ tại Ujjeli cũng có một ban nhạc do một nhạc trưởng tên Musila điều khiển, thế là ban tổ chức hội chợ bèn thuê ban nhạc Musila đến trình diễn cho hội chợ. Nhưng sau vài màn trình tấu, các thương gia ở Ba-la-nại không bằng lòng. Ở Ba-la-nại họ đã từng nghe hòa tấu nhạc của Guttila, nay họ nghe Musila trình tấu, gảy đàn chẳng khác nào như gãi trên chiếu, nghe khô khan, rời rạc !!! Họ bảo : "Nhạc gì nghe mà chán quá !" Musila nghĩ : "Có lẽ ta để dây đàn chùng quá !", bèn vận cho dây căng thêm và gảy tiếp. Nhưng người nghe vẫn không hài lòng, Musila hẳn học : "Mấy đứa buôn bán này chẳng hiểu tý gì về âm nhạc, gảy đàn cho tụi nó như gảy vào tai trâu !" Tuy nhiên để tiếp tục chịu khách, Musila cho tiết tấu nhạc nhanh và bổng hơn trước, nhưng các thương nhân vẫn lắc đầu. Chàng ta bèn hỏi :

- Này các ông, tôi gảy đàn không làm các ông thích nghe à ?

Họ đáp :

- Ông gảy đàn đó hả ? Chúng tôi tưởng rằng ông lên dây đàn chứ chưa gảy gì hết !!!

- Vậy các ông biết có ai đàn giỏi hơn tôi thì các ông tìm người đó gảy cho các ông nghe, tôi đi về.

Musila vừa hẳn học vừa thu dọn ban nhạc, làm bầm trong miệng : "Đồ một lũ tai trâu, đàn cho nó nghe phí sức !!!"

Mấy thương nhân không nghe rõ hẳn nói gì, nên vẫn tiếp tục câu chuyện :

- Hừ, ở Ba-la-nại, chúng tôi nghe tiếng đàn của nhạc sĩ Guttila hay hơn anh nhiều, tiếng đàn của ông ấy lúc trầm lúc bổng ngân nga, lúc khoan lúc

nhặt, lúc réo rất lúc êm đềm, hay lắm cơ !!!

Musila nghe xong, nảy ra một ý định, bèn cho đàn em về nhà trước, chàng ta ở lại và đề nghị với các lái buôn:

- Thôi được, tôi hoàn lại các ông tiền các ông đã trả cho tôi, tôi không cần lấy tiền này, nhưng khi nào các ông về Ba-la-nại, tôi sẽ đi theo các ông và các ông hãy giới thiệu cho tôi ông nhạc sĩ Guttilla gì đó mà các ông vừa nhắc đến.

Bọn lái buôn bằng lòng. Sau khi tan hội chợ, họ dắt Musila trở về Ba-la-nại và chỉ nhà Guttilla cho Musila biết. Khi Musila vào nhà Guttilla, anh ta đi vắng, trong nhà chỉ có hai ông bà già mù, hẳn thấy có cây đàn 7 dây treo trên vách, bèn rón rén lấy xuống đàn thử. Cha mẹ Guttilla mù nên không biết có người lạ vào nhà, nghe tiếng đàn, ông bà liền nói với nhau : "Có lẽ chuột đang gặm dây đàn !", rồi bà già bèn đuổi chuột : "Xù, xù ! Mấy con nhãi này đừng phá đàn nữa, xù xù !!!" Lúc ấy, Musila bèn đặt đàn xuống, kính chào ông bà già; ông bà liền hỏi :

- Cậu là ai ? Cậu ở đâu, tới đây làm gì ? Sao vô nhà người ta mà không lên tiếng sớm ?

- Dạ thưa hai cụ, con ở Ujjeli ạ ! Con nghe thầy Guttilla dạy đàn rất giỏi ở đây, nên mới đến Ba-la-nại này xin được thụ huấn nghề của thầy.

- Thế à !

- Thưa hai cụ, thầy ấy đi đâu rồi ạ ??

- à, anh nó đi đàn cho một đám cưới ở làng bên, đến chiều anh nó sẽ về, mời cậu ngồi chơi.

Musila ngồi đợi, đến chiều thì Guttilla về. Chàng ta bèn nói ý định xin học nghề của mình cho Guttilla nghe. Anh ta nhìn hẳn ta, trông tướng người thì biết : "Kẻ này chẳng phải người đàng hoàng, thấy con mắt láo liên có vẻ tráo trở" ; bèn từ chối :

- Anh à, tôi có tài cán chi mà dám dạy anh, chắc anh nghe lời đồn đãi không đúng sự thật đấy thôi !!!

Musila năn nỉ xin được thụ nhận rồi quỳ xuống ôm chân ông bà già nhờ nói giúp cho mấy lời :

- Các cụ nói giúp hộ con để thầy nhận cho con theo học, chứ con không học được nghề thầy thì con quyết không còn mặt mũi nào trở về Ujjeli đâu ạ !!

Rồi quay sang Guttilla :

- Xin thầy thương con.

Ông bà già mỉm lòng, bèn nói :

- Cậu ấy thật lòng yêu nghề, thôi thì anh cũng nên thụ nhận cậu ấy, biết được bao nhiêu thì chỉ cho cậu ấy bấy nhiêu, chứ không nên hẹp bụng làm gì !!!

Trước lời yêu cầu của cha mẹ, không thể cưỡng

lại, Guttilla chịu thụ nhận Musila làm đệ tử và từ đó tận tình dạy cho hẳn ta bát âm, ngũ khúc, v.v...

Một hôm, nhân một bữa tiệc tại cung đình, vua cho mời Guttilla vào đàn, anh cho dẫn theo Musila, vua thấy nó liền hỏi:

- Này nhạc sĩ, hầu cận của anh đấy à?

- Tâu đại vương, đây là đệ tử của hạ thần.

Sau khi hòa nhạc cho tiệc vua xong, Musila tìm cách nịnh hót nhà vua, vua hoan hỷ cho nó được thân cận. Từ đó, nó mượn cơ vào cung đình đàn cho vua nghe và trở thành người thân tín với vua. Guttilla biết mình không thể giữ được đứa học trò này nữa, anh ta bèn tìm cách đuổi đi :

- Này Musila, nghề của thầy, thầy đã truyền hết cả cho anh, các nơi thầy thường trình diễn từ hoàng cung đến đình làng, thầy cũng đã giới thiệu anh với mọi người. Nay nghề anh đã học xong, vậy anh có thể trở về Ujjeli để phụng dưỡng đấng song thân của anh được rồi !!!

Musila nghĩ : "Nghề ta học xong rồi, chẳng cần ông lên tiếng ta cũng sẽ bỏ ông, chứ bám theo làm gì ? Thành Ba-la-nại này là đất kinh đô phồn thịnh trên thế gian này. Mắc mớ gì ta phải bỏ về Ujjeli làm gì, đó chỉ là một tỉnh nhỏ", nghĩ vậy nó liền thưa :

- Thưa thầy, với nghề thầy đã dạy con, con sẽ không về Ujjeli nữa mà sẽ xin hầu hạ vua ở Ba-la-nại này được không ạ ? Nếu được xin thầy tiến cử con với nhà vua.

- Cũng được, tùy ý anh.

Guttilla bèn tiến cử nó với vua. Vua chịu thụ nhận nó vào đoàn nhạc công cung đình nhưng chỉ chịu trả lương cho nó bằng nửa số lương của nhạc sư Guttilla mà thôi. Musila nghe vậy bèn tâu :

- Tâu bệ hạ, thần đã biết tất cả nghề của thầy Guttilla, có thể đàn như thầy ấy, cơ sao chỉ nhận được phân nửa lương của thầy ấy ? Thần ở lại hầu ngài cũng vì lòng cảm mến ngài, mong được đàn cho ngài vui, nếu bệ hạ trả lương cho thần thấp thì tội cho thần quá ạ, mong lượng trời xét lại !

Vua nói :

- Nếu người có thể chứng tỏ tài năng của người bằng Guttilla, ta sẽ trả lương người ngang bằng.

- Xin bệ hạ cho thần 7 ngày chuẩn bị, thần sẽ thi đấu tài năng với thầy Guttilla.

- Cái gì ? Người muốn thi tài với thầy người à ? Không nên làm thế, không nên có sự cạnh tranh với thầy mình, đấng nào thì người cũng là đệ tử của thầy ấy.

- Muôn tâu, để tỏ rõ cao thấp, thần xin được thi tài với thầy ấy để mọi người sẽ biết ai là người có tài

hơn.

Vua chấp thuận và hạ lệnh cho quân thổi kèn, đánh trống truyền rao : "Trong vòng 7 ngày nữa, sẽ có một cuộc thi tài cao thấp về đàn nhạc giữa nhạc sư Guttilla và đệ tử Musila tại sân hoàng cung. Toàn thể dân chúng trăm họ không phân biệt tuổi tác, giai cấp, địa vị đều có thể đến thưởng thức và cổ vũ cho cuộc thi".

Tin này đến tai Guttilla, anh ta hơi ngạc nhiên và cũng thấy buồn lòng vì thằng đệ tử có lòng phản trắc, anh nghĩ : "Musila còn trẻ, đang trong tuổi thanh niên. Minh tuy chưa già, nhưng cũng không còn trẻ nữa, sức khoẻ sẽ không thể bằng nó. Thi tài với nó mình lại không thể thất bại, nếu thất bại thì còn mặt mũi nào ở đất Ba-la-nại này nữa. Nó mà thắng cuộc thì mình vào rừng chết còn sướng hơn là sống ô nhục". Cha mẹ của Guttilla đều đã qua đời vài năm trước đây, thấy mình sắp già, một thân một mình mà bị thằng học trò hạ nhục thì chỉ có đường theo cha mẹ luôn là thượng sách. Sợ sự hổ nhục đó, anh ta bèn vào rừng tìm cái chết. Cứ như vậy anh ta đi đi về về trong 6 ngày, đến nỗi cỏ dưới bước chân anh ta mọc không nổi nên thành con đường mòn từ nhà vào rừng. Tâm tư của anh động lòng trời, thiên chủ Đế Thích hướng tâm tìm hiểu và biết rõ thực hư sự việc, Đế Thích thấy Guttilla có lòng lương thiện, và Musila thì có dã tâm. Ngài bèn tìm cách giúp Guttilla, bèn hiện xuống thành người tiều phu đến trước anh ta hỏi :

- Thưa nhạc sư, cố sao thầy lại lo âu, vào rừng để làm gì ?

Guttilla nhìn ông già, hỏi lại :

- Ông là ai ?

Đế Thích hiện nguyên chân tướng đáp :

- Ta là Đế Thích đây. Con có điều gì hãy tỏ cho ta nghe.

Guttilla bèn kể lể sự tình và lo lắng vì sợ bị bại dưới tay thằng học trò. Đế Thích cười và nói : "Đừng sợ, ta sẽ trợ lực cho con. Khi con thi đàn 7 dây với nó, con hãy thách thức nó cắt đứt 1 dây, con chỉ đàn với 6 dây, tiếng đàn của con vẫn hay, nhưng nó không thể đàn hay với 6 dây đàn còn lại, nó sẽ thua con".

Ngày thi đã đến, dân chúng kéo nhau đứng nghệt sân cung đình, vua ngự trong một chiếc lều tròn, cao, trải thảm, trang trí lộng lẫy, quân canh đứng tứ phía, thị vệ, cung nữ hầu chung quanh đông đủ. Sau khi tắm rửa, trang phục trang trọng, Guttilla cầm đàn 7 dây ngồi vào vị trí dành sẵn cho mình, bên kia Musila cũng vậy. Cuộc thi bắt đầu, cứ sau

một tấu khúc bên này thì tới phiên bên kia. Từ sáng đến trưa, cả hai đều không phân cao thấp. Đại chúng nghe trình diễn đều vỗ tay không ngớt tán thưởng cả thầy lẫn trò. Nhà vua và các quan cũng không biết chấm ai cao ai thấp, thầy trò ngang tài bằng nhau. Musila về mặt tự tin và hãnh diện. Còn Guttilla nghĩ : "Sức khoẻ mình không bằng nó, nếu thi đến chiều thì chắc mình sẽ mệt và đàn sẽ lạng quạng thôi". Nghĩ vậy, anh bèn tâu :

- Tâu bệ hạ, với cây đàn 7 dây này, thần chỉ cần 6 dây cũng có thể đàn được.

Nói xong anh ta cắt đứt một dây. Vua thấy vậy bèn quay sang hỏi Musila :

- Người có dám thi đàn với 6 dây như thầy người không ?

Musila hơi lo, nhưng tự tin đáp :

- Thần cũng xin thi bằng cách chỉ đánh 6 dây thôi ạ !

Nhưng sau khúc nhạc hay tuyệt vời của Guttilla khiến vua và dân chúng vỗ tay không ngớt thì đến lượt Musila đàn, tiếng đàn của hắn không mạch lạc, âm thanh hụt hẫng, tiết tấu lộn xộn. Mọi người nhả mặt và từ vài tiếng huýt sáo phản đối, nhiều tiếng la ó vang lên : "Đàn dở quá, dẹp đi, chịu thua đi thằng phản thầy !!!" Musila tái mặt. Vua ra lệnh chấm dứt cuộc thi và tuyên bố nhạc sư Guttilla thắng cuộc, sau đó vua ban thưởng cho anh ta rất nhiều vàng bạc, gấm lụa. Dân chúng thành Ba-la-nại tung hoa trái đường cho anh bước.

Còn Musila tủi hổ, ngay chiều hôm đó lui trốn khỏi thành Ba-la-nại.

Đức Phật kể đến đây, bèn nói : "Musila chính là tiền thân của Đè Bà Đạt Đa, vua là A Nan, còn ta là nhạc sư Guttilla".□

